

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1975/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 28 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về việc thực hiện và quản lý các đề tài, dự án
khoa học công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ: số 13/2004/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước; số 04/2007/QĐ-BKHCN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước tại Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN; số 01/2005/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước; số 10/2007/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước; số 11/2007/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước; số 09/2005/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy chế quản lý chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010; số 03/2007/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 85/2004/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 8 năm 2004 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án khoa học công nghệ được ngân sách nhà nước hỗ trợ và có thu hồi kinh phí; Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5

năm 2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (tại Tờ trình số 626/TTr-SKHHCN ngày 30 tháng 9 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thực hiện và quản lý các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên.

Điều 2. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 3068/2004/QĐ-UB ngày 26 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các ngành liên quan, các cá nhân, tổ chức có hoạt động khoa học công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Kim Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện và quản lý các đề tài, dự án

khoa học công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này là khung pháp lý nhằm thực hiện và quản lý các đề tài, dự án khoa học công nghệ (KH-CN) cấp tỉnh tại Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với:

- Các tổ chức, cá nhân được hoạt động KH-CN;
- Cơ quan quản lý nhà nước về KH-CN;
- Các Hội đồng tư vấn về KH-CN do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đề tài, dự án KH-CN cấp tỉnh: bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH), các dự án phát triển công nghệ (PTCN) thuộc các chương trình khoa học và công nghệ (KH&CN), khoa học xã hội và nhân văn (KH-XH&NV), các dự án thuộc chương trình nông thôn và miền núi (NTMN), các dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN), các đề tài, dự án KH-CN độc lập và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác là những đề tài, dự án:

a) Phù hợp với mục tiêu phát triển KH&CN, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết những vấn đề cấp thiết của tỉnh;

b) Có tác dụng trong phạm vi toàn tỉnh; trong các ngành chủ yếu, mũi nhọn; các ngành, đơn vị lớn của tỉnh;

c) Được Hội đồng KH&CN tỉnh xét chọn và được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho triển khai thực hiện.

2. Chuyên gia: là người có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án; nắm vững cơ chế quản lý KH&CN; có hiểu biết trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; có uy tín chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

3. Thư ký khoa học của Hội đồng: là người giúp cho các Hội đồng KH&CN tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu đề tài, dự án KH&CN trong việc đánh giá hồ sơ đề tài, dự án KH&CN, ghi biên bản nội dung và diễn biến các cuộc họp xét duyệt, nghiệm thu đề tài, dự án.

4. Thư ký hành chính của Hội đồng: là người giúp cho Sở Khoa học và Công nghệ và cho Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu đề tài, dự án về thủ tục tổ chức các cuộc họp, làm công tác hành chính (hồ sơ họp, tổng hợp phiếu đánh giá,...) trong các cuộc họp xét duyệt, nghiệm thu đề tài.

Điều 4. Hội đồng KH&CN xác định danh mục, tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

1. Tùy theo chức năng tư vấn, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định thành lập từng loại Hội đồng sau theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hội đồng KH&CN xác định danh mục đề tài, dự án KH&CN: Hội đồng này có chức năng xem xét, có ý kiến tư vấn các đề tài thực hiện và không thực hiện; đề nghị ưu tiên và không ưu tiên đối với đề tài thực hiện; đề nghị các đề tài đưa vào diện chỉ định thực hiện đối với danh mục các đề tài, dự án KH&CN hàng năm do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục cho đăng ký tuyển chọn hoặc chỉ định lập hồ sơ để xét duyệt trước khi phê duyệt cho thực hiện;

Hội đồng KH&CN tỉnh kiêm nhiệm Hội đồng này;

b) Hội đồng tuyển chọn đề tài, dự án KH&CN hàng năm: Hội đồng này có chức năng tư vấn đánh giá tuyển chọn đề tài, dự án KH&CN theo từng lĩnh vực:

- Khoa học xã hội và nhân văn;

- Khoa học công nghệ (bao gồm cả lĩnh vực nghiên cứu cơ bản);

- Sản xuất - thử nghiệm; hỗ trợ doanh nghiệp;
- Chương trình nông thôn - miền núi;

(Mỗi lĩnh vực có một Hội đồng chuyên làm nhiệm vụ tuyển chọn các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực);

Hội đồng kiêm chức năng nghiệm thu kết quả đề tài, dự án được tuyển chọn khi đề tài, dự án kết thúc; nếu có bổ sung, thay đổi thành viên của Hội đồng thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng;

c) Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án: Hội đồng này có chức năng tư vấn xét duyệt thuyết minh và hồ sơ đề tài, dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định, giao trực tiếp trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho triển khai thực hiện;

Hội đồng kiêm chức năng nghiệm thu kết quả đề tài, dự án mà Hội đồng đã xét duyệt khi đề tài, dự án kết thúc và chức năng xét duyệt ở cấp cơ sở các dự án KHCN đề nghị lên Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí. Nếu có bổ sung, thay đổi thành viên của Hội đồng thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng.

2. Hội đồng có từ 09 đến 11 thành viên (trừ Hội đồng xác định danh mục đề tài, dự án), trong đó có 1/3 là thành viên Hội đồng KHCN tỉnh, 2/3 thành viên còn lại của Hội đồng là các chuyên gia am hiểu lĩnh vực của đề tài, dự án và cán bộ cơ quan quản lý KHCN. Người của cơ quan dự kiến chủ trì và tham gia phối hợp thực hiện đề tài, dự án không được tham gia Hội đồng.

Phân công trong Hội đồng có Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần thiết), thư ký khoa học, ủy viên phản biện và các ủy viên. Thư ký hành chính của Hội đồng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ định.

Các ủy viên phản biện có trách nhiệm nghiên cứu, phản biện, đánh giá cụ thể hồ sơ của đề tài, dự án (đăng ký tuyển chọn hoặc xét duyệt, nghiệm thu); đọc báo cáo phản biện trước Hội đồng để các thành viên Hội đồng thảo luận về từng chỉ tiêu đánh giá theo tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu đề tài, dự án quy định tại bản Quy định này.

Các thành viên Hội đồng phải được cung cấp hồ sơ đề tài, dự án và các thông tin có liên quan trước khi họp Hội đồng ít nhất 03 ngày.

Điều 5. Nguyên tắc và phương thức làm việc của Hội đồng xác định danh mục, tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh.

1. Hội đồng được tiến hành họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Ý kiến bằng văn bản của ủy viên Hội đồng vắng mặt là một tài liệu cần được Thư ký khoa học Hội đồng trình bày trước Hội đồng để Hội đồng nghiên cứu tham khảo.

2. Hội đồng được tiến hành dưới sự điều khiển của Chủ tịch Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì, nếu trong quyết định Hội đồng không có Phó Chủ tịch Hội đồng thì Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho một thành viên trong Hội đồng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ và là thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh chủ trì cuộc họp. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận dân chủ và bỏ phiếu kín. Ý kiến kết luận của Hội đồng phải được ít nhất 2/3 số thành viên có mặt của Hội đồng đồng ý. Hội đồng chịu trách nhiệm về việc tư vấn của mình.

3. Trong cuộc họp tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu ngoài các thành viên Hội đồng còn có đại diện mời (đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, sở quản lý ngành, đại diện cơ quan chuyên giao công nghệ và các cơ quan, cá nhân có liên quan,...). Số thành viên mời dự không vượt quá số lượng thành viên của Hội đồng.

4. Trình tự làm việc của Hội đồng xác định danh mục đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh.

- Thư ký Hội đồng giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự, thông báo chương trình làm việc.

- Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ trình bày danh mục tổng hợp sơ bộ những đề tài, dự án KH&CN và giới thiệu những nội dung chủ yếu của các tài liệu chuyên môn và nghiệp vụ liên quan cần thiết khác.

- Hội đồng thảo luận về những đề tài, dự án KH&CN đủ tiêu chuẩn để đề nghị cho thực hiện và không đủ tiêu chuẩn không cần thực hiện.

- Chủ tịch Hội đồng kết luận danh mục các đề tài, dự án để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng xét duyệt (hoặc nghiệm thu) đề tài, dự án.

- Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng, đại biểu mời, thông báo chương trình làm việc.

- Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp của Hội đồng, nêu yêu cầu và nhiệm vụ của Hội đồng.

- Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày đề cương thuyết minh (đối với buổi họp xét duyệt), tóm tắt báo cáo khoa học của đề tài, dự án (đối với buổi họp nghiệm thu).

- Các ủy viên phản biện trình bày.

- Từng ủy viên có ý kiến.

- Hội đồng thảo luận; các thành viên Hội đồng bỏ phiếu kín.

- Thư ký hành chính tổng hợp kết quả, Chủ tịch Hội đồng kết luận, tuyên bố kết quả cũng như các kiến nghị của Hội đồng.

Nội dung và quá trình làm việc của Hội đồng phải được thư ký khoa học Hội đồng ghi vào biên bản theo mẫu quy định và làm thành 04 bản có chữ ký của Chủ tịch và thư ký khoa học Hội đồng.

6. Trình tự làm việc của Hội đồng tuyển chọn đề tài, dự án:

- Bước 1: Hội đồng thống nhất phương thức làm việc:

+ Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự; thông báo chương trình làm việc.

+ Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ trình bày những yêu cầu và nội dung chủ yếu của các quy định liên quan đến việc tuyển chọn đề tài, dự án KH&CN.

+ Thư ký hành chính đọc biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, thông báo số lượng và danh mục hồ sơ đủ điều kiện để đưa ra tuyển chọn. (Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện là các hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy định này).

+ Hội đồng thảo luận, trao đổi các tiêu chuẩn đánh giá và cách cho điểm các hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án theo quy định tại Quy định này.

+ Các thành viên Hội đồng nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn để xem xét, đánh giá.

+ Hội đồng thống nhất ngày làm việc để xem xét, đánh giá tuyển chọn các hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án KH&CN.

- Bước 2:

+ Hội đồng nghe thành viên phản biện của Hội đồng đọc bản nhận xét, đánh giá, phân tích từng nội dung thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký của từng hồ sơ, nhận xét, đánh giá và luận giải về việc đánh giá bằng điểm từng chỉ tiêu theo thang điểm được quy định tại Quy định này.

- + Thư ký hành chính đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo.
- + Hội đồng thảo luận, đánh giá.
- + Từng thành viên Hội đồng đánh giá từng hồ sơ bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định được ghi trên phiếu theo loại đề tài, dự án (KHXX&NV, KHCCN, dự án SXTN, dự án thuộc chương trình NTMN).
- + Thư ký hành chính tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn; báo cáo trước Hội đồng kết quả chung qua phiếu cho điểm và đánh giá của các thành viên Hội đồng.
- + Hội đồng thảo luận, có ý kiến về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong các thuyết minh đề tài, dự án trúng tuyển để Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức, cá nhân có hồ sơ đăng ký được trúng tuyển sửa chữa, hoàn thiện trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- + Chủ tịch Hội đồng kết luận đơn vị, cá nhân trúng tuyển và những vấn đề cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đề tài để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho thực hiện.

Chương II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC

XÁC ĐỊNH DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHCCN

Điều 6. Trình tự xác định danh mục đề tài, dự án KHCCN cấp tỉnh.

1. Vào tháng 5 hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc đề xuất và đăng ký đề tài, dự án KHCCN cho năm liền sau để các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác nghiên cứu KHCCN lập:

- Phiếu đề xuất đề tài, dự án KHCCN cấp tỉnh năm kế sau.
- Phiếu đăng ký đề tài KHCCN cấp tỉnh năm kế sau.

2. Trên cơ sở phiếu đề xuất, phiếu đăng ký đề tài, dự án của các tổ chức, cá nhân làm công tác nghiên cứu KHCCN và yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục các đề tài, dự án KHCCN năm liền sau của tỉnh.

3. Vào tháng 6 hàng năm, Hội đồng KHCCN tỉnh họp để tư vấn xác định danh mục các đề tài, dự án KHCCN năm liền sau theo từng lĩnh vực.

Hội đồng KHCN tỉnh có nhiệm vụ xem xét, phân tích và phản biện danh mục tổng hợp những đề tài, dự án do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp về những nội dung:

- Tính cấp thiết.
- Ý nghĩa khoa học và công nghệ (tính mới, tính tiên tiến về công nghệ).
- Ý nghĩa kinh tế - xã hội, khả năng áp dụng của đề tài trong thực tiễn.
- Tính khả thi, sự phù hợp với mục tiêu của chương trình (đối với các đề tài thuộc chương trình).

Hội đồng bỏ phiếu để đánh giá xếp các đề tài, dự án vào 2 loại sau: đề nghị thực hiện và đề nghị không thực hiện. (Trong đó có đề nghị loại ưu tiên thực hiện).

4. Căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ lập danh mục các đề tài, dự án KHCN năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thông báo tổ chức tuyển chọn hoặc thông báo lập hồ sơ xét duyệt đối với tổ chức, cá nhân được giao, chỉ định thực hiện. Việc phê duyệt danh mục đề tài, dự án KHCN để tuyển chọn hoàn thành trước ngày 15 tháng 7 của năm trước liền kề năm kế hoạch. Danh mục này được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

Điều 7. Điều kiện xác định đề tài, dự án KHCN ghi vào danh mục.

1. Đối với đề tài khoa học công nghệ.

- Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết của tỉnh.

- Đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống, góp phần phát triển KH&CN và kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tạo ra những sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, sáng tạo, tiên tiến, khả thi.

- Có khả năng phát triển, nhân rộng mô hình.

2. Đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn.

- Phục vụ trực tiếp, kịp thời yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước tại địa phương; góp phần giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển lý luận khoa học xã hội và phát triển tiềm lực khoa học của các ngành khoa học xã hội; phục vụ yêu cầu lãnh đạo, quản lý và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

- Xuất phát từ định hướng phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài từ yêu cầu nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, tập trung vào các hướng công nghệ ưu tiên và những hướng công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng.

- Tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao.

- Có hiệu quả kinh tế - xã hội (tạo thêm việc làm, kích thích ngành nghề phát triển; tiết kiệm tài nguyên và nhân lực, phát triển mặt hàng xuất khẩu hoặc thay thế mặt hàng nhập khẩu, bảo vệ môi trường).

- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án.

- Xuất xứ của dự án là kết quả các đề tài NCKH và PTCN đã được công nhận; các sáng chế, sản phẩm khoa học đạt giải thưởng hội thi sáng tạo; nếu là kết quả KHCN từ nước ngoài phải có tổ chức có thẩm quyền công nhận.

4. Đối với các dự án xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KHCN phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi.

- Dự án hướng vào giải quyết các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội cấp thiết tại địa phương.

- Các mô hình của dự án ứng dụng công nghệ có quy trình kỹ thuật ổn định, phù hợp với khả năng tiếp thu của người dân vùng dự án.

- Dự án phải khả thi về điều kiện cơ sở hạ tầng, khả năng huy động các nguồn vốn đối ứng và nhân rộng kết quả các mô hình; cơ quan chủ trì có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện dự án.

- Địa bàn dự án phải có tính đại diện cho một vùng hoặc tiểu vùng kinh tế sinh thái đặc trưng để có thể nhân rộng mô hình.

- Dự án phải xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân và chính quyền địa phương; chính quyền và nhân dân địa bàn dự án phải cam kết tự nguyện thực hiện và tham gia nguồn vốn đối ứng.

5. Các đề tài KH&CN, dự án SXTN, các dự án xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ KH&CN phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi có nội dung chủ yếu thuộc lĩnh vực quản lý của ngành nào thì phải có sự thống nhất thực hiện đề tài, dự án và cam kết bằng văn bản huy động nguồn lực ngành để nhân rộng mô hình của Thủ trưởng ngành đó, nếu đề tài nghiệm thu có hiệu quả kinh tế xã hội.

Chương III

ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KH&CN CẤP TỈNH

Điều 8. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn chủ trì đề tài, dự án.

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động khoa học, công nghệ.

2. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài tham gia tuyển chọn, xét chọn phải có chuyên môn đào tạo phù hợp, trình độ đại học trở lên và đang hoạt động trong cùng chuyên ngành khoa học với lĩnh vực đề tài, dự án trong 05 năm gần đây tính từ thời điểm đăng ký tuyển chọn.

3. Cá nhân không được tham gia tuyển chọn, xét chọn làm chủ nhiệm đề tài, dự án cấp tỉnh nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đang làm chủ nhiệm từ 02 đề tài, dự án cấp tỉnh trở lên;

b) Chưa quyết toán kinh phí các đề tài, dự án, chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng của các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh trước đó (nếu có);

c) Có đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh đánh giá “không đạt” hoặc bị đình chỉ thực hiện chưa quá 02 năm;

d) Có đề tài, dự án chậm nộp hồ sơ nghiệm thu chính thức so với hợp đồng nghiên cứu từ 06 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Đối với dự án SXTN kinh phí thực hiện dự án chủ yếu do các tổ chức chủ trì dự án đảm nhiệm; mức hỗ trợ kinh phí cho dự án từ nguồn kinh phí KH&CN tối đa bằng 30% tổng đầu tư cần thiết để thực hiện dự án (không kể trang thiết bị và nhà xưởng đã có) trong đó ưu tiên hỗ trợ về thiết bị máy móc và chi phí để hoàn thiện công nghệ sản xuất thử. Nếu vượt quá tỷ lệ hỗ trợ trên thì phải có ý kiến của cơ quan phê duyệt dự án.

5. Thời gian thực hiện đề tài, dự án: Không quá 36 tháng kể từ thời điểm triển khai thực hiện đề tài, dự án KHCN theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Sở Khoa học và Công nghệ đối với các đề tài, dự án KHCN được ủy quyền). Ưu tiên các đề tài, dự án thời gian thực hiện tương đối ngắn để sớm đưa vào áp dụng. Trường hợp kéo dài trên 36 tháng thì Sở Khoa học và Công nghệ phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký dự tuyển chủ trì thực hiện đề tài, dự án gồm:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu B1-KX-DONTC đối với đề tài KHXH&NV; B1-KC-DONTC đối với đề tài KHCN; B1-NTMN-DONTC đối với dự án NTMN; B1-SXT-DONTC đối với dự án SXTN).

2. Thuyết minh đề tài, dự án (theo mẫu B2-KX-TMĐT đối với đề tài KHXH&NV; B2-KC-TMĐT đối với đề tài KHCN; B2-NTMN-TMDA đối với dự án NTMN; B2-SXT-TMDA đối với dự án SXTN).

3. Tóm tắt hoạt động KHCN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án (theo mẫu B3-KX-LLTC đối với đề tài KHXH&NV; B3-KC-LLTC đối với đề tài KHCN; B3-NTMN-LLTC đối với dự án NTMN; B3-SXT-LLTC đối với dự án SXTN).

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án (theo mẫu B4-KX-LLCN đối với đề tài KHXH&NV; B4-KC-LLCN đối với đề tài KHCN; B4-NTMN-LLCN đối với dự án NTMN; B4-SXT-LLCN đối với dự án SXTN).

5. Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài, dự án (nếu có) phối hợp nghiên cứu (theo mẫu B5-PHNC) và tóm tắt hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cơ quan chủ trì chuyển giao công nghệ đối với dự án NTMN (B6-NTMN-LLTCCG).

6. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ các nguồn khác (trong trường hợp thuyết minh đề tài và dự toán kinh phí có nguồn vốn khác).

Hồ sơ gồm 01 bản gốc và 15 bản sao các loại văn bản nêu trên, bỏ vào phong bì, niêm phong có ghi rõ bên ngoài:

- Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án.
- Tên đề tài, dự án đăng ký dự tuyển.
- Tên cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án.
- Tên các cá nhân và đơn vị phối hợp thực hiện đề tài, dự án.
- Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

Gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên.

Chương IV

TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHCN CẤP TỈNH

Điều 10. Tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án KHCN là quá trình xem xét, đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn nhằm lựa chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án theo những yêu cầu nêu trong bản Quy định này.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tóm tắt về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án theo danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cá nhân, tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực KHCN của đề tài, dự án lập hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn. Trên cơ sở kết quả xét chọn của Hội đồng KHCN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án (gọi tắt là Hội đồng tuyển chọn) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Điều 11. Mở hồ sơ dự tuyển.

1. Hội đồng mở hồ sơ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm đại diện thường trực Hội đồng KHCN tỉnh và sở, ngành liên quan, 01 cán bộ Phòng Quản lý khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ làm thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng mở tất cả các hồ sơ tham gia dự tuyển trong danh mục tuyển chọn. Quá trình mở hồ sơ được ghi cụ thể ở phiếu ghi các điều kiện mà hồ sơ có được theo yêu cầu phải đáp ứng về hồ sơ dự tuyển tại Quy định này, đồng thời ghi thành biên bản có chữ ký của Chủ tịch, thư ký Hội đồng. Những hồ sơ thỏa mãn các điều kiện ghi ở Điều 6 và Điều 7 của Quy định này sẽ được đưa vào xem xét, đánh giá ở Hội đồng xét chọn hồ sơ dự tuyển và xét duyệt hồ sơ trúng tuyển.

Trong trường hợp chỉ có 01 (một) hồ sơ tham gia tuyển chọn chủ trì 01 (một) đề tài, dự án KH&CN vẫn đưa ra Hội đồng tuyển chọn đánh giá theo tiêu chuẩn và quy trình quy định.

Điều 12. Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh.

A. Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn của đề tài KHCN được đánh giá theo 2 phần:

1. Đánh giá thuyết minh đề tài: tối đa 100 điểm theo thang điểm dưới đây:

a) Đánh giá chung về mục tiêu của đề tài: tối đa 10 điểm;

b) Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu: tối đa 20 điểm;

c) Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật ứng dụng: tối đa 15 điểm;

d) Sản phẩm KHCN của đề tài: tối đa 20 điểm;

e) Khả năng ứng dụng các sản phẩm và tác động kết quả nghiên cứu đề tài: tối đa 15 điểm;

f) Tính khả thi của phương án thực hiện: tối đa 20 điểm.

2. Đánh giá năng lực của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài: tối đa 14 điểm theo thang điểm dưới đây:

a) Kết quả hoạt động KHCN liên quan đến lĩnh vực đề tài trong 05 năm gần đây: tối đa 8 điểm;

b) Đóng góp cho sản xuất và đời sống về KHCN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài trong 05 gần đây: tối đa 6 điểm.

B. Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn của đề tài KHXXH&NV được đánh giá theo 2 phần:

1. Đánh giá thuyết minh đề tài: tối đa 80 điểm theo thang điểm dưới đây:

a) Đánh giá chung về mục tiêu của đề tài: tối đa 5 điểm;

b) Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu: tối đa 15 điểm;

c) Xác định nội dung, phương án tổ chức thực hiện đề tài: tối đa 30 điểm;

d) Tiếp cận đề tài và phương pháp nghiên cứu: tối đa 10 điểm;

e) Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu: tối đa 20 điểm.

2. Đánh giá năng lực của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài: tối đa 20 điểm theo thang điểm dưới đây:

a) Năng lực, uy tín về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm tổ chức, quản lý của chủ nhiệm đề tài: tối đa 9 điểm;

b) Năng lực của các cá nhân tham gia thực hiện chính đề tài: tối đa 6 điểm;

c) Năng lực của cơ quan chủ trì đề tài: tối đa 3 điểm;

d) Năng lực của các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: tối đa 2 điểm.

C. Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn của dự án SXTN được đánh giá theo các tiêu chí sau:

1. Giá trị công nghệ của dự án: tối đa 20 điểm.

2. Tính khả thi của phương án triển khai dự án: tối đa 20 điểm.

3. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của dự án: tối đa 20 điểm.

4. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của dự án sau khi kết thúc: tối đa 20 điểm.

5. Năng lực thực hiện dự án của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm và cá nhân, tổ chức phối hợp chính: tối đa 20 điểm.

D. Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn của dự án thuộc chương trình NTMN được đánh giá theo các tiêu chí sau:

1. Giá trị công nghệ, tính phù hợp, hiệu quả kinh tế, tính khả thi và khả năng nhân rộng của dự án: tối đa 40 điểm.

2. Năng lực của tổ chức chuyển giao công nghệ: tối đa 25 điểm.

3. Năng lực thực hiện của cơ quan, cá nhân chủ trì dự án: tối đa 25 điểm.

4. Tính hợp lý của kinh phí cần thiết thực hiện dự án và kinh phí đề nghị hỗ trợ: tối đa 10 điểm.

Phiếu đánh giá hợp lệ là những phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa ghi theo từng tiêu chí đánh giá.

Điều 13. Xếp hạng, chọn hồ sơ và phê duyệt đề tài, dự án trúng tuyển: hồ sơ được xếp hạng theo tổng số điểm đánh giá từ cao xuống thấp với các điều kiện sau:

1. Đối với đề tài KHCN: hồ sơ có tổng số điểm trung bình tại điểm A-1, Điều 12 đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó tổng số điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 50% điểm tối đa của tiêu chí. Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá tại điểm A-1 và A-2, Điều 12 bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên để xếp hạng.

2. Đối với đề tài KHXXH&NV: hồ sơ có tổng số điểm trung bình tại điểm B-1 và B-2 Điều 12 đạt tối thiểu 70/100 điểm, trong đó tổng số điểm trung bình của phần nội dung thuyết minh đề tài đạt tối thiểu 60/80 điểm và điểm trung bình của phần năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài đạt tối thiểu 10/20 điểm. Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá tại các điểm B-1 và B-2 Điều 12

trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên để xếp hạng.

3. Đối với dự án SXTN: hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí từ 65/100 điểm trở lên, trong đó tổng số điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 50% điểm tối đa của tiêu chí. Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên để xếp hạng.

4. Đối với dự án thuộc chương trình NTMN: hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí từ 65/100 điểm trở lên. Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp một đề tài, dự án không có hồ sơ nào đạt đủ số điểm chuẩn để tuyển chọn thì đề tài, dự án này sẽ không được đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch.

Hồ sơ được tuyển chọn cho triển khai thực hiện là hồ sơ có thứ hạng cao nhất. Trong thời hạn 15 ngày sau khi có thông báo, tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ đề tài, dự án theo kết luận của Hội đồng KH-CN, gửi hồ sơ về Phòng Quản lý khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định lại trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Nếu quá thời hạn hoặc tổ chức, cá nhân có hồ sơ được trúng tuyển từ chối thực hiện đề tài, dự án thì Sở Khoa học và Công nghệ hủy kết quả trúng tuyển và xét chọn hồ sơ có vị trí xếp hạng kế tiếp thay thế. Trong thời hạn 07 ngày sau khi thuyết minh đề tài được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án và cấp kinh phí cho triển khai đề tài, dự án theo kế hoạch chi tiết kinh phí quý, năm được duyệt. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt cho thực hiện đối với các đề tài, dự án có kinh phí KH&CN tỉnh từ dưới 300 triệu đồng.

Điều 14. Xét duyệt và phê duyệt đề tài, dự án chỉ định thực hiện: đối với các đề tài, dự án không qua tuyển chọn mà thực hiện theo phương thức giao trực tiếp (các đề tài, dự án thuộc bí mật quốc gia, an ninh quốc phòng; các dự án chỉ có một tổ chức KH-CN hoặc cá nhân có đủ điều kiện chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện, các đề tài, dự án được tỉnh giao theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn) thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội đồng KH-CN xét duyệt đề cương thuyết minh của các đề tài, dự án nói tại điều này.

Các đề tài, dự án KH-CN được giao trực tiếp có kinh phí KH-CN tỉnh từ dưới 300 triệu đồng, nội dung nghiên cứu triển khai mang tính chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ lập Hội đồng KH-CN để xét duyệt thuyết minh đề cương và phê duyệt cho thực hiện.

Điều 15. Thẩm định dự toán kinh phí đề tài, dự án KH&CN: các đề tài khoa học xã hội có tổng mức chi ngân sách nhà nước từ 300 triệu đồng trở lên; các đề tài khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên có tổng mức chi ngân sách nhà nước từ 600 triệu đồng trở lên; các đề tài điều tra cơ bản, các dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi có tổng mức chi ngân sách nhà nước từ 600 triệu đồng trở lên hoặc các đề tài, dự án KH&CN có mức kinh phí dưới mức ấn định theo từng loại trên nhưng nội dung phức tạp, nặng yếu tố chuyên ngành thì Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ thẩm định dự toán kinh phí.

Tổ thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án gồm: 01 lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, 01 đại diện Sở Tài chính, 01 lãnh đạo Phòng Quản lý khoa học, 01 chuyên gia có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực liên quan đến đề tài, dự án KH&CN và kế toán trưởng Sở Khoa học và Công nghệ, do Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm tổ trưởng.

Căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng tuyển chọn, xét chọn, xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án KH&CN, Tổ thẩm định xem xét hồ sơ, thẩm định kinh phí về tổng kinh phí cần thiết cho triển khai đề tài, dự án, số kinh phí cần thiết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phù hợp với các nội dung của đề tài, dự án; tính khả thi về thị trường và hiệu quả dự kiến đối với sản phẩm tạo ra của đề tài, dự án KH&CN để Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kinh phí cho thực hiện đề tài, dự án. Kinh phí hoạt động của Tổ thẩm định đưa vào kinh phí đề tài, dự án thẩm định.

Chương V

QUẢN LÝ VIỆC TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KH&CN

Điều 16. Mã số hồ sơ đề tài, dự án KH&CN: hồ sơ đề tài, dự án KH&CN được ghi mã số, cụ thể: *phần ký hiệu loại đề tài .năm bắt đầu thực hiện - số thứ tự của đề tài.*

- Phần ký hiệu loại đề tài như sau:

KX: khoa học xã hội và nhân văn.

KY: khoa học y dược, y tế,...

KT: điều tra cơ bản, nghiên cứu cơ bản.

KN: nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp.

KC: khoa học công nghệ.

NTMN: dự án nông thôn miền núi.

- Phần năm bắt đầu thực hiện: lấy 2 số sau cùng.

- Số thứ tự của đề tài: dùng 2 chữ số đánh số thứ tự.

- Đề tài hỗ trợ thêm 2 chữ “ht” sau phân ký hiệu loại đề tài.

Ví dụ: KX.99-01 là đề tài khoa học xã hội, năm bắt đầu thực hiện là 1999, số thứ tự là 01.

KNht.00-02 là đề tài hỗ trợ khoa học nông nghiệp, năm bắt đầu thực hiện là 2000, số thứ tự là 02.

Điều 17. Báo cáo định kỳ, kiểm tra, điều chỉnh.

1. Cá nhân, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án lập báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) về tình hình thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn).

2. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các tổ chức có liên quan định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung, tiến độ, sử dụng kinh phí và những vấn đề liên quan của đề tài, dự án.

Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ.

Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào kết quả kiểm tra để xem xét cho điều chỉnh, bổ sung kinh phí, cho dừng thực hiện đề tài, dự án nếu xét thấy cần thiết.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài, nếu cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài xét thấy có những nội dung, yêu cầu cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế thì cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài có công văn đề nghị điều chỉnh nội dung và kinh phí gửi đến cơ quan chủ quản. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ thực tế để xem xét, có ý kiến cho điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện đề tài, dự án. Quá trình xem xét này không kéo dài quá 01 tháng kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ nhận đủ hồ sơ.

4. Trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, biến động quá lớn của thị trường,...) dẫn đến đề tài, dự án không hoàn thành mục tiêu thì cá nhân, tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án, chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn bản báo cáo giải trình, đề xuất những giải pháp cụ thể. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ thực tế để xem xét, có ý kiến cho điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện hoặc chấm dứt việc thực hiện đề tài, dự án. Quá trình xem xét này không kéo dài quá 01 tháng kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ nhận đủ hồ sơ.

Điều 18. Đề tài, dự án không đạt yêu cầu.

1. Các đề tài, dự án không triển khai được thì chủ nhiệm và cơ quan chủ trì lập báo cáo gửi về Sở Khoa học và Công nghệ nêu rõ lý do không triển khai được. Nếu có lý do chính đáng thì Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành lập biên bản và thu hồi 100% phần kinh phí đã cấp (trừ phần kinh phí xét duyệt đề tài, dự án) nộp về ngân sách nhà nước.

2. Các đề tài, dự án triển khai một phần không đánh giá được kết quả thì xem là đề tài không đạt yêu cầu, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm báo cáo, nêu lý do và quyết toán phần kinh phí đã thực hiện. Việc ra quyết định thanh lý và quy trách nhiệm đối với các đề tài, dự án không đạt yêu cầu được phân cấp như sau:

- Đề tài, dự án có kinh phí đã cấp hơn 100 triệu đồng thì sau khi có ý kiến thẩm định về nội dung của Sở Khoa học và Công nghệ, về kinh phí thực hiện của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thanh lý.

- Đề tài, dự án có kinh phí đã cấp từ 100 triệu đồng trở xuống thì Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập thủ tục quyết định thanh lý.

Điều 19. Đề tài, dự án chậm trễ.

Những đề tài, dự án chậm trễ nếu có báo cáo và có lý do chính đáng thì cơ quan quản lý xem xét gia hạn thêm một khoảng thời gian nhất định để cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn tất nội dung nghiên cứu nhưng không kéo dài quá 06 tháng đối với đề tài KHXX&NV, 12 tháng đối với đề tài KHCN, nghiên cứu cơ bản, dự án SXTN và dự án nông thôn miền núi; nếu lý do không chính đáng thì cơ quan quản lý đề nghị chấm dứt các bước thực hiện tiếp theo để tiến hành các thủ tục thanh lý và xem xét đề tài, dự án không đạt yêu cầu.

Điều 20. Quy trách nhiệm đối với các đề tài, dự án không đạt yêu cầu.

1. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án không được tham gia đăng ký tuyển chọn đề tài, dự án trong thời hạn 02 năm.

2. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án bồi thường khoản kinh phí thiệt hại do yếu tố chủ quan gây ra.

3. Nếu do thiếu trách nhiệm, thiếu năng lực làm cho việc triển khai thực hiện đề tài, dự án không đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ lập thủ tục đề nghị cơ quan thẩm quyền xem xét trong xét thi đua, xử lý hành chính đối với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án KHCN.

4. Nếu do thiếu kiểm tra, đôn đốc và đề xuất với cấp thẩm quyền các biện pháp xử lý kịp thời, cơ quan chủ quản đề tài, dự án KHHCN chịu trách nhiệm liên đới, bị chế tài trong xét thi đua, trong xử lý hành chính.

Điều 21. Quản lý tài chính.

1. Kinh phí KHHCN thực hiện đề tài, dự án được cấp phát theo hợp đồng. Việc thu hồi kinh phí, tài sản và sản phẩm được quy định tại Thông tư liên tịch số 85/2004/TTLT-BTC-BKHCN và Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kết thúc năm tài chính, kết thúc đề tài, dự án, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án phải lập hồ sơ quyết toán kinh phí gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ gồm:

- Báo cáo tình hình thực hiện nội dung và kinh phí KHHCN đã được cấp.
- Báo cáo quyết toán (chi tiết và tổng hợp).

3. Chi phí quản lý đề tài, dự án: được thực hiện theo định mức tại Quyết định số 1402/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ và hợp đồng thực hiện đề tài, dự án giữa Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án.

Nội dung chi gồm các khoản sau:

- Chi bổ sung cho một số hoạt động của Hội đồng KHHCN tỉnh.
- Chi hỗ trợ cho cán bộ chuyên quản kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các đề tài, dự án.
- Chi hỗ trợ cho các thành viên cơ quan chủ quản, cơ quan chủ trì tham gia quản lý, chủ trì thực hiện đề tài, dự án.
- Chi mua sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán và một số loại giấy, bút, văn phòng phẩm cho cơ quan chủ trì đề tài, dự án.
- Chi khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân thực hiện đề tài, dự án đạt kết quả xuất sắc.

Kinh phí quản lý đề tài, dự án được gửi vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, được quyết toán hàng năm theo quy định của ngành tài chính và số dư cuối năm được kết chuyển cho năm sau.

Chương VI**NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU, ÁP DỤNG KHKT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

Điều 22. Đánh giá kết quả và nghiệm thu cấp cơ sở.

1. Việc nghiệm thu cơ sở được tiến hành ở cơ quan chủ trì đề tài, dự án thông qua Hội đồng đánh giá và nghiệm thu cơ sở do Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài, dự án quyết định thành lập. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá về kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án đã được thực hiện so với thuyết minh đã phê duyệt và hợp đồng nghiên cứu. Hội đồng kết luận đánh giá kết quả đề tài, dự án theo 2 mức: đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để đưa vào đánh giá, nghiệm thu chính thức. Trong trường hợp đề tài, dự án xếp loại không đủ điều kiện, Hội đồng nêu rõ lý do và đề nghị đề tài được tiếp tục hoàn thiện hay phải đình chỉ thực hiện.

2. Cơ quan chủ trì đề tài có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đánh giá cơ sở. Hồ sơ gồm:

- Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ).

- Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ).

- Các hợp đồng nghiên cứu; các biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

- Những tài liệu và sản phẩm KH&CN của đề tài, dự án. Các bản vẽ, các số liệu điều tra, khảo sát gốc.

Đến thời điểm kết thúc hợp đồng nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá cơ sở cho cơ quan chủ trì đề tài, dự án.

3. Đề tài, dự án đánh giá ở mức không đủ điều kiện nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

a) Chưa đạt hoặc không đạt được khối lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu so với thuyết minh được duyệt và Hợp đồng nghiên cứu KH&CN;

b) Kết quả KH&CN sao chép kết quả nghiên cứu của người khác;

c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính;

e) Nộp hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan chủ quản.

Các trường hợp **không đủ điều kiện nghiệm thu chính thức** thì Hội đồng nghiệm thu cơ sở và cơ quan chủ trì xem xét, xác định những việc đã thực hiện được theo thuyết minh và hợp đồng NCKH để Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính làm căn cứ xem xét công nhận số kinh phí được quyết toán của đề tài, dự án.

4. Sau khi đánh giá kết quả và nghiệm thu cấp cơ sở, chủ nhiệm và cơ quan chủ trì đề tài, dự án hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu đề tài, dự án gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức đánh giá nghiệm thu chính thức.

Điều 23. Đánh giá kết quả và nghiệm thu chính thức.

1. Trước khi tổ chức đánh giá kết quả và nghiệm thu chính thức, nếu cần Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện đề tài, dự án, thẩm định độ tin cậy của tài liệu, mẫu hiện vật, sản phẩm của đề tài; có ý kiến về việc đánh giá, nghiệm thu cơ sở.

2. Hồ sơ nghiệm thu chính thức bao gồm:

- a) Công văn đề nghị nghiệm thu chính thức của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án;
- b) Báo cáo khoa học kết quả thực hiện đề tài (báo cáo chi tiết và báo cáo tóm tắt);
- c) Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở;
- d) Biên bản nghiệm thu từng phần, từng mô hình; những tài liệu và sản phẩm KH&CN của đề tài, dự án. Các bản vẽ, các số liệu điều tra, khảo sát gốc,...

Hội đồng nghiệm thu chính thức chỉ thành lập và họp để đánh giá nghiệm thu đối với các đề tài, dự án được Hội đồng nghiệm thu cơ sở đánh giá ở mức đủ điều kiện đưa vào nghiệm thu chính thức.

Điều 24. Tiêu chí đánh giá, xếp loại kết quả đánh giá: trên cơ sở xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đề tài, dự án, hồ sơ nghiệm thu cấp cơ sở, biên bản kiểm tra (nếu có), báo cáo phản biện của các uỷ viên phản biện, các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu chính thức chấm điểm đánh giá theo các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với đề tài khoa học công nghệ: theo 4 nhóm tiêu chuẩn với thang điểm tối đa 40 điểm.

- a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu: tối đa 16 điểm;
- b) Giá trị khoa học của các kết quả KHCN của đề tài: tối đa 8 điểm;

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN: tối đa 12 điểm;

d) Đánh giá về tổ chức quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác: tối đa 4 điểm;

Kết quả đánh giá được xếp loại:

a) Đạt:

- Mức A: từ 35 - 40 điểm (trong đó điểm giá trị khoa học 8/8 và giá trị ứng dụng 12/12);

- Mức B: 27 - dưới 35 điểm;

- Mức C: 20 - dưới 27 điểm;

b) Không đạt: dưới 20 điểm.

2. Đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn.

Theo các tiêu chuẩn và thang điểm 100 như sau:

a) Về phương pháp nghiên cứu của đề tài: tối đa 10 điểm;

b) Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu: tối đa 60 điểm;

c) Về giá trị thực tiễn kết quả nghiên cứu: tối đa 25 điểm;

d) Về tổ chức thực hiện đề tài: tối đa 5 điểm;

Kết quả đánh giá được xếp loại:

a) Đạt:

- Mức A: từ 85 - 100 điểm (điểm giá trị khoa học 55 điểm trở lên và giá trị thực tiễn 20 điểm trở lên);

- Mức B: 65 - dưới 85 điểm hoặc từ 85 điểm trở lên nhưng điểm giá trị khoa học dưới 55 điểm và giá trị thực tiễn dưới 20 điểm);

- Mức C: 55 - dưới 65 điểm;

b) Không đạt: dưới 50 điểm.

3. Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: theo các tiêu chuẩn và thang điểm 40 như sau:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả nghiên cứu của dự án theo yêu cầu của hợp đồng: tối đa 16 điểm;

b) Giá trị khoa học của các kết quả KHCN của dự án: tối đa 4 điểm;

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN: tối đa 12 điểm;

d) Đánh giá về tổ chức quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của dự án thực hiện: tối đa 8 điểm;

Kết quả đánh giá được xếp loại:

a) Đạt:

- Mức A: từ 35 - 40 điểm (điểm giá trị khoa học 4/4 điểm và giá trị ứng dụng 12/12);

- Mức B: 27 - dưới 35 điểm;

- Mức C: 20 - dưới 27 điểm;

b) Không đạt: dưới 20 điểm.

4. Các dự án nông thôn miền núi: theo các tiêu chuẩn và thang điểm 100 như sau:

a) Mức độ thực hiện các mục tiêu KHCN: tối đa 20 điểm;

b) Mức độ thực hiện nội dung, quy mô đã đề ra của dự án: tối đa 20 điểm;

c) Hiệu quả kinh tế trực tiếp của dự án: tối đa 10 điểm;

d) Phương pháp tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện: tối đa 20 điểm;

e) Khả năng duy trì và phát triển của dự án: tối đa 30 điểm;

Kết quả đánh giá được xếp loại:

a) Xuất sắc: từ 90 điểm trở lên;

b) Khá: từ 70 - 89 điểm;

c) Đạt: từ 50 - 69 điểm;

d) Không đạt: dưới 50 điểm.

Điều 25. Về xét duyệt, công nhận sáng kiến, sản phẩm cải tiến kỹ thuật.

Các cá nhân, tổ chức có sáng kiến, sản phẩm cải tiến kỹ thuật có thể làm đơn đề nghị cơ quan quản lý KHCN các cấp lập Hội đồng KHCN xét công nhận sáng kiến, sản phẩm cải tiến kỹ thuật. Sáng kiến, sản phẩm cải tiến kỹ thuật được cấp huyện, cấp ngành tỉnh công nhận, nếu có yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét công nhận sáng kiến, sản phẩm cải tiến kỹ thuật. Việc xét công nhận sáng kiến, sản phẩm cải tiến kỹ thuật căn cứ vào các tiêu chí sau:

1. Đối với sáng kiến.

a) Sáng kiến phải bảo đảm có tính mới, tính khoa học;

b) Sáng kiến phải được qua thực nghiệm mô hình và phải đạt hiệu quả KTXH tốt hơn cách làm cũ;

c) Phải chứng minh được khả năng nhân rộng và quy mô nhân rộng.

2. Đối với sản phẩm cải tiến kỹ thuật.

a) Sản phẩm phải có tính mới so với các sản phẩm đã có, có tính khoa học;

b) Có khả năng áp dụng công nghiệp (chế tạo, sản xuất hàng loạt hoặc áp dụng có kết quả ổn định);

c) Chứng minh giá trị kinh tế, thương mại hơn sản phẩm cũ: các sản phẩm cải tiến kỹ thuật được tỉnh công nhận sẽ được hỗ trợ vốn KHCN cấp tỉnh để sản xuất nhân rộng theo hình thức dự án sản xuất thử nghiệm.

Quy định tại Điều này không áp dụng cho sáng chế. Sáng chế thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 26. Quyết định phê duyệt kết quả nghiệm thu đề tài, dự án và chuyển giao cho đơn vị áp dụng.

1. Hồ sơ chuẩn bị cho quyết định phê duyệt kết quả nghiệm thu: báo cáo khoa học đã được chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu và các sản phẩm, tài liệu khoa học (nếu có) tạo ra trong quá trình nghiên cứu.

2. Sau khi cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn chỉnh hồ sơ đề tài, dự án đã được nghiệm thu, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả nghiệm thu và chuyển giao cho đơn vị sử dụng kết quả đó.

Điều 27. Thanh lý hợp đồng.

1. Hợp đồng chỉ được thanh lý sau khi đề tài, dự án đã được nghiệm thu chính thức, cơ quan chủ trì đề tài, dự án đã nộp đủ kinh phí thu hồi và quyết toán toàn bộ số kinh phí KHCN được cấp từ ngân sách nhà nước.

Mọi chi phí phát sinh để hoàn thiện việc thực hiện đề tài, dự án theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở nếu do không thực hiện đúng với nội dung thuyết minh và yêu cầu ghi trong hợp đồng NCKH thì ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

2. Hồ sơ thanh lý gồm:

a) Biên bản thanh lý hợp đồng;

b) Biên bản quyết toán, hồ sơ quyết toán;

c) Biên bản thỏa thuận phân kinh phí thu hồi (nếu có) đã quy định trong hợp đồng.

3. Hợp đồng nghiên cứu khoa học chưa được thanh lý theo thời hạn thanh lý trong hợp đồng thì cá nhân, đơn vị thực hiện đề tài, dự án chưa được đăng ký đề tài, dự án mới.

4. Các đề tài, dự án thực hiện dở dang hoặc dừng thực hiện theo quyết định cấp có thẩm quyền thì chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì phải lập báo cáo kết quả công việc đã thực hiện được (so với hợp đồng NCKH), nêu rõ lý do dở dang hoặc dừng thực hiện. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập đoàn kiểm tra để xác định kết quả đề tài, dự án trước khi cho thanh lý hợp đồng.

Chương VII

ĐĂNG KÝ, ÁP DỤNG KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 28. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan trực tiếp đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trong phạm vi địa phương mình theo Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKH-CN ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 29. Về nộp kết quả nghiên cứu đề tài, dự án; đăng ký bảo hộ quyền tác giả.

1. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án nộp kết quả nghiên cứu đề tài, dự án KH&CN sau khi được nghiệm thu về bộ phận đăng ký kết quả nghiên cứu (Phòng Thông tin Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ), hồ sơ gồm:

a) 01 phiếu đăng ký kết quả (theo mẫu);

b) 01 bản chính hoặc bảo sao y bản chính biên bản nghiệm thu chính thức đề tài, dự án;

c) Kết quả thực hiện đề tài, dự án gồm: báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề, báo cáo nhánh, phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, phiếu mô tả quy trình công nghệ (theo mẫu) và các giải pháp kỹ thuật, bản đồ, bản vẽ, ảnh, băng hình, đĩa hình. Kết quả dạng giấy phải đóng quyển bìa cứng đồng thời phải kèm theo bản điện tử ghi trên đĩa mềm hoặc đĩa quang;

d) Chứng từ xác nhận nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có).

2. Việc đăng ký và nộp đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm, xác lập quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định tại các Điều 762, Điều 788, Điều 789 Bộ Luật Dân sự.

Điều 30. Triển khai áp dụng kết quả đề tài, dự án: các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng của đề tài, dự án có kế hoạch bố trí một phần kinh phí sự nghiệp cho việc triển khai ứng dụng, áp dụng nhân rộng các kết quả thành công của đề tài, dự án KHCN và có trách nhiệm theo dõi đánh giá, tổng kết việc triển khai áp dụng, ứng dụng.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG - XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khen thưởng.

- Đề tài, dự án nghiệm thu đạt xuất sắc được cơ quan quản lý quyết định khen thưởng từ nguồn quản lý phí đề tài, dự án. Mức thưởng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hàng năm.

- Đề tài, dự án triển khai áp dụng có hiệu quả cao, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

- Việc sử dụng kinh phí tiết kiệm từ những nội dung chi các đề tài, dự án KHCN để khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 32. Xử lý vi phạm.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 127/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thẩm quyền, thủ tục, trình tự xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IX**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 33. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị cơ sở trong tỉnh vận dụng Quy định này để xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành Quy định về thực hiện và quản lý đề tài, dự án KHCN thuộc phạm vi quản lý.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Kim Anh